

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. GIỚI THIỆU:

1. Mô tả khái quát:

- Tên dự án: Xây dựng hệ thống hồ trữ ngọt gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiểu vùng tứ giác Long Xuyên
- Gói thầu số 04: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang.
- Điều hành dự án: Chủ đầu tư trực tiếp điều hành, quản lý dự án.
- Địa điểm xây dựng: phường Thới Sơn, xã An Cư, phường Chi Lăng, xã Núi Cấm và xã Cô Tô tỉnh An Giang.
- Nhóm dự án (dự kiến): Nhóm A.
- Loại, cấp công trình (dự kiến): Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp II, Công trình giao thông đường bộ, cầu cấp III.
- Nguồn vốn dự án: Vốn vay KEXIM và vốn đối ứng ngân sách Nhà nước.

2. Mục tiêu đầu tư:

a) Mục tiêu tổng quát

- Dự án đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống đê bao, kênh, cống, cầu và hồ trữ ngọt nhằm kiểm soát lũ từ Campuchia, bảo vệ và mở rộng diện tích sản xuất lúa, đồng thời chủ động ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu. Công trình còn giúp trữ và cấp nước cho nông nghiệp, phòng cháy chữa cháy rừng, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông sản, nuôi trồng thủy sản, du lịch mùa nước nổi, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Song song đó, việc nạo vét và nâng cấp tuyến kênh Trà Sư sẽ hoàn thiện hệ thống giao thông thủy bộ, tăng cường liên kết vùng, đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể

Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đê bao bờ Đông Trà Sư có ý nghĩa tổng hợp, vừa phục vụ giao thông, thủy lợi, vừa phát triển kinh tế – xã hội. Cụ thể:

- **Giao thông:** Hình thành trục đường chiến lược Tịnh Biên – Kiên Giang, kết nối các tuyến QL91, ĐT945, ĐT941, ĐT943 và QL80; gắn kết hệ thống giao thông liên tỉnh, liên huyện, nông thôn và thủy, phục vụ vận chuyển nông sản, cứu hộ mùa lũ, bảo đảm quốc phòng – an ninh biên giới.

- **Kiểm soát lũ – cấp nước:** Kiểm soát lũ vùng sản xuất lớn, tăng khả năng thoát lũ và trữ ngọt (50,292 triệu m³), cấp nước cho 17.500 ha nông – thủy sản, trong đó có vùng cao Tri Tôn, Tịnh Biên; hỗ trợ PCCC cho 3.730 ha rừng tràm.

- **Kinh tế – xã hội:** Hình thành tuyến dân cư, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông sản, tạo việc làm, thúc đẩy kinh tế tỉnh An Giang.

- **Du lịch:** Xây dựng hồ chứa 315 ha vừa cấp nước vừa khai thác du lịch mùa nước nổi, gắn kết với lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam, Núi Cấm, Rừng trà Trà Sư, thu hút du khách, tăng thu nhập địa phương.

- **Công nghiệp:** Tận dụng đất nạo vét tạo mặt bằng cho các khu công nghiệp Tri Tôn, Tịnh Biên, thuận tiện vận chuyển nhờ trục thủy – bộ, thu hút đầu tư chế biến nông – thủy sản phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu.

3. Quy mô dự án (dự kiến):

Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình đã có nhằm trữ khoảng 50,292 triệu m³ nước trong mùa mưa lũ và cấp nước trong mùa khô phục vụ dân sinh kinh tế xã hội, kết hợp phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, du lịch, thương mại và giao thông liên kết vùng sản xuất.

3.1. Cải tạo, mở rộng Kênh Trà Sư (đoạn từ cống Trà Sư đến giáp tỉnh Kiên Giang) và hệ thống kênh trục tăng cường khả năng trữ nước ngọt:

Đào sâu, mở rộng lòng dẫn, đắp tôn cao bờ tạo hồ trữ nước ngọt về mùa khô, và tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vào mùa mưa.

- Dung tích trữ nước: **19,432** triệu m³;

- Thông số mặt cắt kênh:

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Bề rộng đáy (m)	Hệ số mái
I	Kênh Trà Sư	Km	39,7		
1	Đoạn 1: Từ kênh Vĩnh Tế (vị trí cống Trà Sư) đến Quốc lộ 91	Km	2,1	50	2,0
2	Đoạn 2: Từ Quốc lộ 91 đến kênh Mặc Cần Dung	Km	23,61	50	2,0
3	Đoạn 3: Từ kênh Mặc Cần Dung đến ranh An Giang – Kiên Giang	Km	13,99	30	2,0
II	Cải tạo, mở rộng một số tuyến kênh trục thuộc vùng dự án nâng cao dung tích trữ nước ngọt	Km	45	5÷20	1,5÷2,0
	Tổng	Km	84,7		

3.2. Nâng cấp mặt đê và xây dựng cầu vượt qua kênh:

- Hoàn thiện mặt bờ đê bao các kênh kết hợp làm đường giao thông liên kết vùng sản xuất

- Xây dựng mới 03 cầu vượt kênh đảm bảo liên kết hệ thống giao thông thủy bộ

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	Nâng cấp đê kênh Trà Sư	Km	42,6	

1.1	Đoạn 1: Nâng cấp đê bờ Tây kênh Trà Sư (đoạn từ TL955A ÷ Quốc lộ 91)	Km	2,1	Mặt đê 5,5m kết cầu BTXM
1.2	- Đoạn 2: Nâng cấp đê bờ Đông kênh Trà Sư (đoạn từ Quốc lộ 91 ÷ TL 945)	Km	23,61	Mặt đê 9,0m kết cầu BTXM
1.3	- Đoạn 3: Nâng cấp đê bờ Tây kênh Trà Sư (đoạn từ TL941 ÷ Ranh An Giang – Kiên Giang)	Km	13,99	Mặt đê 5,5m kết cầu BTXM
2	Đường bờ Nam kênh Xã Tiệt (từ kênh Trà Sư đến Đường tỉnh 948)	Km	2,90	Mặt đê 9,0m kết cầu BTXM
II	Cầu vượt kênh Trà Sư	Cầu	03	Chiều dài 110m, chiều rộng 9,0m

3.3. Xây dựng các công trình cống điều tiết trên đê: Xây dựng hệ thống các cống điều tiết trên đê để khai thác hiệu quả khả năng trữ nước và phục vụ sản xuất nông nghiệp

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	Cống hở	Cống	12	
1	Cống hở điều tiết	Cống	01	Khẩu độ cống: 50m BxH=50x6,5m
2	Cống hở điều tiết	Cống	01	Khẩu độ cống: 16m BxH=16x6,5m
3	Cống hở điều tiết	Cống	02	Khẩu độ cống: 10m BxH=10x6,5m
4	Cống hở điều tiết	Cống	02	Khẩu độ cống: 08m BxH=08x6,5m
5	Cống hở điều tiết	Cống	06	Khẩu độ cống: 06m BxH=06x6,5m
II	Cống ngầm dưới đê và các trạm bơm điện	Cống	95	Khẩu độ: ϕ 1.000 ÷ ϕ 1.500

3.4. Xây dựng hệ thống trữ ngọt:

Cải tạo các cống và bờ bao khu vực rừng Tràm Trà Sư; Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các đê bao xung quanh rừng Trà Tĩnh đội; Xây dựng mới trạm bơm cấp nước tưới tiêu và chống hạn

- Dung tích trữ: **30,860** triệu m³;
- Tổng chiều dài nâng cấp, xây dựng tuyến đê bao: 33km
- Thông số vùng trữ nước

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
1	Xây dựng hồ chứa nước Tân Lợi	ha	315	Xây dựng tuyến đê bao hồ chiều rộng mặt đê từ 5,0 m ÷ 6,0m và hệ thống trạm bơm, cống
2	Kết hợp chứa nước khu rừng tràm Trà Sư	ha	850	Cải tạo hệ thống đê bao hiện hữu đảm bảo khả năng tích nước
3	Kết hợp chứa nước khu rừng tràm thuộc Lâm trường tỉnh đội	ha	850	Xây dựng tuyến đê bao hồ chiều rộng mặt đê từ 5,0 m ÷ 6,0m và hệ thống trạm bơm, cống

3.4. Bãi chứa đất

Khối lượng đất dôi dư từ nạo vét kênh Trà Sư được tập kết dự trữ tại các bãi đất công có định hướng quy hoạch phát triển thành các khu công nghiệp, khu dân cư trong thời gian tới theo đề xuất của Ủy ban nhân dân thị xã Tịnh Biên và huyện Tri Tôn (Các vị trí chứa đất này do Ủy ban nhân dân thị xã Tịnh Biên và huyện Tri Tôn bố trí thuộc phạm vi đất công do địa phương quản lý không phải thực hiện công tác bồi hoàn, giải phóng mặt bằng tại các vị trí này). Dự kiến như sau:

- Bãi chứa vật liệu nạo vét số 1: Phường Nhơn Hưng, thị xã Tịnh Biên (nay là phường Thới Sơn, tỉnh An Giang), diện tích 10ha.

- Bãi chứa vật liệu nạo vét số 2: Xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn (nay là xã Cô Tô, tỉnh An Giang), diện tích 10ha.

- Bãi chứa vật liệu nạo vét số 3: Xã Tân Lập, thị xã Tịnh Biên (nay là xã Núi Cấm, tỉnh An Giang), diện tích 35ha.

- Bãi chứa vật liệu nạo vét số 4: Phường Núi Voi, thị xã Tịnh Biên (nay là phường Chi Lăng, tỉnh An Giang), diện tích 15ha.

4. Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày.

5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

6. Mục đích tuyển chọn nhà thầu: Lựa chọn được nhà thầu tư vấn có đầy đủ năng lực chuyên môn và kinh nghiệm về tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc thiết kế xây dựng) dự án, công trình có quy mô, tính chất tương tự, cũng như bề dày kinh nghiệm, trình độ của các chuyên gia tham gia trong lĩnh vực tư vấn khảo sát, lập thiết kế xây dựng công trình đảm bảo công trình đạt chất lượng, đảm bảo tiến độ, tính đúng tính đủ dự toán, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng hiện hành cũng như các quy định hiện hành khác về thiết kế xây dựng công trình.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày – người cần thiết (nếu có):

1.1. Yêu cầu phạm vi công việc

a) Khảo sát xây dựng

Nội dung, phạm vi công việc của công tác khảo sát phục vụ công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tuân thủ theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và các Nghị định hướng dẫn có liên quan. Khối lượng, nội dung công việc cần thực hiện trong bước Báo cáo tiền khả thi dự án tuân thủ các quy định khảo sát, nhiệm vụ khảo sát xây dựng được duyệt.

b) Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Căn cứ Điều 53 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và khoản 11, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14, Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và Thiết kế sơ bộ cần bao gồm, nhưng không hạn chế, những nội dung chủ yếu sau:

- Sự cần thiết đầu tư và các điều kiện để thực hiện đầu tư xây dựng.
- Dự kiến mục tiêu, quy mô, địa điểm và hình thức đầu tư xây dựng.
- Nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên.
- Phương án thiết kế sơ bộ bao gồm về xây dựng, thuyết minh, công nghệ, kỹ thuật và thiết bị phù hợp, bao gồm:
 - + Sơ bộ về địa điểm xây dựng; quy mô dự án; vị trí, loại và cấp công trình chính;
 - + Bản vẽ thiết kế sơ bộ tổng mặt bằng dự án; mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt công trình chính của dự án;
 - + Bản vẽ và thuyết minh sơ bộ giải pháp thiết kế được lựa chọn của công trình chính;
 - + Sơ bộ về dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghệ (nếu có).
- Dự kiến thời gian thực hiện dự án.
- Sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn, trả nợ vốn vay; xác định sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội và đánh giá tác động của dự án.
- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Dịch tài liệu báo cáo nghiên cứu nghiên cứu khả thi sang tiếng Anh (bao gồm các tài liệu liên quan đến khảo sát thiết kế, dự toán nếu nhà tài trợ yêu cầu)

Dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn vay ODA hoặc vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài nên các tài liệu báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (bao gồm

các tài liệu liên quan đến khảo sát thiết kế, dự toán) phải được dịch sang tiếng Anh để nhà tài trợ nước ngoài xem xét, tài trợ vốn cho dự án.

1.2. Nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án

- Nguồn vốn dự án: Vốn vay KEXIM và vốn đối ứng ngân sách Nhà nước.
- Cơ quan thực hiện dự án (dự kiến): Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang
- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn:

2.1. Khảo sát xây dựng

a) Công tác chuẩn bị trong phòng và thị sát thực địa

a.1) Chuẩn bị trong phòng

Thu thập, nghiên cứu các văn bản, tài liệu pháp lý liên quan của dự án phục vụ lập Báo cáo NCTKT. Rà soát xác định trên bản đồ vị trí và đặc điểm địa hình khu vực thực hiện dự án, và xác định các điểm khống chế chủ yếu của dự án (điểm đầu, điểm cuối, các điểm trung gian bắt buộc, các vùng cấm, vùng phải tránh,...);

a.2) Thị sát ngoài thực địa

- Tìm hiểu tình hình dân cư hai bên tuyến (các khu dân cư, đô thị, các công trình xây dựng, các khu công nghiệp), các quy hoạch xây dựng của địa phương...;
- Thị sát đối chiếu giữa các tài liệu thu thập được với thực tế về các nội dung như: địa hình, địa mạo, tầng phủ, tình hình dòng chảy,...;
- Tìm hiểu nguyên, vật liệu tại chỗ; các cơ sở sản xuất nguyên, vật liệu của địa phương; khả năng vận chuyển VLXD đến tuyến;
- Lập các văn bản làm việc với các cơ quan có công trình liên quan đến tuyến, ý kiến tham gia đóng góp của địa phương về hướng tuyến và các công trình trên tuyến cũng như các yêu cầu khác liên quan quản lý, vận hành công trình.

b) Điều tra, thu thập tài liệu và làm việc các cơ quan liên quan

b.1) Điều tra kinh tế xã hội và môi trường

- Thu thập các dữ liệu về hiện trạng kinh tế - xã hội, diện tích đất đai, dân số, thành phần dân tộc, GDP, tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế các ngành, giá trị xuất nhập khẩu;
- Thực trạng các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch, văn hóa, y tế, giáo dục, xuất nhập khẩu,...;
- Hiện trạng mạng lưới giao thông, thủy lợi khu vực nghiên cứu;
- Các quy hoạch, định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khu vực nghiên cứu;
- Các Chiến lược về bảo vệ môi trường có liên quan đến khu vực xây dựng các công trình;

- Khảo sát, thu thập tài liệu, hình ảnh về hiện trạng các đối tượng nhạy cảm bị ảnh hưởng bởi các hạng mục công trình thuộc dự án (tuyến đường, cầu cống, các công trình thu gom nước thải, kênh mương, các cơ sở hạ tầng khác...), cũng như xung quanh các bãi đổ thải, mỏ tập kết vật liệu, nán trại công trình;

- Thu thập các báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường nền hàng năm của tỉnh An Giang để làm rõ chất lượng các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như: Môi trường đất, môi trường không khí, nước ngầm;

- Khảo sát các điểm có nguy cơ sạt lở, xói mòn, ngập lụt trong khu vực tuyến dự án;

- Khảo sát, thu thập các thông tin về tình hình thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, nước thải, chất thải nguy hại khu vực thực hiện dự án để đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh trong quá trình xây dựng và vận hành dự án;

- Đánh giá các tác động đối với các nguồn vật liệu bao gồm các mỏ đá, việc vận chuyển và lưu trữ vật liệu đến các địa điểm dự án;

- Hỗ trợ quy trình đảm bảo việc lựa chọn vị trí đổ thải tuân thủ các quy định về môi trường và quá trình xác nhận của cơ quan chức năng về vị trí bãi đổ thải;

- Tham gia các cuộc kiểm tra hiện trường cùng nhà tài trợ, chủ đầu tư.

b.2) Khảo sát các công trình liên quan đến tuyến, rà soát số liệu về GPMB, tái định cư

- Thu thập các dữ liệu trên bản đồ để phục vụ xác định sơ bộ kế hoạch và chi phí GPMB và tái định cư (số hộ ảnh hưởng, di dời, hiện trạng sử dụng đất và nhu cầu sử dụng đất,...);

- Điều tra sơ bộ, tiến hành rà soát và cập nhật số liệu về nhà cửa, vật kiến trúc, vật nuôi, cây trồng, đất đai trong khu vực;

- Thu thập tài liệu các khu tái định cư của tỉnh trong khu vực dự án;

- Thu thập đơn giá đền bù, giải phóng mặt bằng tại địa phương để cập nhật lại chi phí đền bù GPMB, tái định cư;

- Trên bản vẽ sơ bộ thể hiện được sơ bộ các vị trí hộ dân hai bên tuyến theo thực tế, bảng kê sơ bộ diện tích, loại đất.

c) Khảo sát địa hình

Nhà thầu Tư vấn có trách nhiệm thực hiện công tác khảo sát đảm bảo đầy đủ thành phần được quy định tại mục 4.3; trong đó, tổ chức thu thập, phân tích, đánh giá tài liệu địa hình theo quy định tại mục 5.2, phần 4 của tiêu chuẩn TCVN8478:2018 Công trình thủy lợi – thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.

d) Khảo sát thủy văn

- Thu thập số liệu; Điều tra, phân tích, đánh giá chung về đặc trưng về khí tượng, thủy văn vùng dự án làm cơ sở cho các tính toán nội nghiệp có liên quan;
- Làm việc với các cơ quan liên quan để thu thập các số liệu về mạng lưới sông ngòi, công trình thủy lợi.

e) Khảo sát địa chất

- Nhà thầu Tư vấn có trách nhiệm thực hiện công tác khảo sát đảm bảo đầy đủ thành phần được quy định tại mục 5.2; trong đó, tổ chức thu thập, phân tích, đánh giá tài liệu địa chất theo quy định tại mục 5.3.1.2 của Tiêu chuẩn TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi – thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.
- Thu thập toàn bộ các số liệu về địa chất, địa chất công trình, lịch sử nghiên cứu trong khu vực xây dựng dự án và vùng lân cận của các dự án đã thực hiện, từ các cơ quan quản lý và chuyên ngành;
- Thu thập các tài liệu liên quan đến đặc điểm, tình hình sạt lở, sụt lún của tỉnh và khu vực, những sự cố (tai biến địa chất môi trường) trong lịch sử và những năm gần đây dọc theo phạm vi tuyến nghiên cứu;
- Công tác điều tra, thị sát địa chất tại các vị trí bố trí công trình quan trọng, hoặc các vị trí xung yếu là cần thiết cho công tác lập BCNCKT.

f) Điều tra mỏ vật liệu

- Thu thập thông tin mỏ vật liệu, bãi đổ thải (về nguồn cung cấp, phương thức cung cấp VLXD cần thiết cho xây dựng công trình...).
- Sơ họa vị trí mỏ lên bản đồ tỷ lệ 1/25.000.

2.2. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công cần tuân thủ quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật 35/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (văn bản sửa đổi); Luật đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15.

III. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Báo cáo công tác khảo sát xây dựng: Không quá 60 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc tư vấn - Nhà thầu phải báo cáo kết quả công tác khảo sát xây dựng, và các kết quả khảo sát khác được nêu trong Hợp đồng.
- Báo cáo công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: Không quá 120 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc tư vấn - Nhà thầu phải hoàn chỉnh tất cả hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (bao gồm cả báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và sơ bộ tổng mức đầu tư) đủ điều kiện để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định.

IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU

Nhà thầu bố trí người thực hiện dịch vụ tư vấn đảm bảo theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III – E-HSMT.

Nêu rõ cách thức làm việc của nhóm cung cấp dịch vụ tư vấn, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí.

Chuyên gia tham gia thực hiện gói thầu phải tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, chính trực, khách quan; có năng lực chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm thực tế và tính thận trọng, bí mật; có tư cách nghề nghiệp và tuân thủ chuẩn mực chuyên môn.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho nhà thầu các tài liệu liên quan đến dự án khi nhà thầu có nhu cầu (với điều kiện các tài liệu này không nằm trong chế độ bảo quản mật), hỗ trợ nhà thầu về nhân sự hướng dẫn khi nhà thầu có nhu cầu tìm hiểu hiện trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG:

1. Tạm ứng hợp đồng:

Chủ đầu tư sẽ tạm ứng tối thiểu giá trị hợp đồng theo quy định nếu nhà thầu có nhu cầu, điều kiện tạm ứng hợp đồng là sau khi hợp đồng có hiệu lực và nhà thầu cung cấp bảo lãnh tạm ứng tương đương giá trị được tạm ứng của một ngân hàng hoặc của một tổ chức tín dụng hợp pháp tại Việt Nam (trường hợp liên danh thì từng thành viên liên danh thực hiện bảo lãnh tạm ứng cho phần mình).

Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên theo tỷ lệ thu hồi tạm ứng được tính trên giá trị khối lượng công việc thực hiện hoàn thành so với hợp đồng theo từng lần thanh toán và kết thúc khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị Hợp đồng đã ký kết (kể cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành).

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Trong quá trình tham gia đấu thầu, nếu nhà thầu trúng thầu đề xuất giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá thấp dưới 50% giá gói thầu được duyệt, thì nhà thầu phải thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 10% giá trị hợp đồng theo quy định tại Khoản 17 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ để đề phòng rủi ro Chủ đầu tư.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành có giá trị và có hiệu lực tới khi Nhà thầu thực hiện hoàn thành công việc tư vấn

3. Khoản tiền giữ lại và trách nhiệm phối hợp của nhà thầu:

3.1. Khoản tiền giữ lại

Chủ đầu tư sẽ giữ lại **10% giá trị** mỗi lần thanh toán vào tài khoản tạm giữ của Chủ đầu tư để bảo đảm nghĩa vụ của Nhà thầu trong việc chờ thanh lý hợp đồng, giá trị này sẽ được thanh toán khi thanh lý hợp đồng. Trường hợp giá trị

Hợp đồng bị giảm trừ lớn hơn khoản tiền giữ lại nêu trên, nhà thầu có trách nhiệm nộp bổ sung phần chênh lệch để hoàn trả ngân sách Nhà nước.

Ghi chú: Nếu công việc hợp đồng được nghiệm thu mà nhà thầu chưa xuất hoá đơn kịp thời, chủ đầu tư sẽ chuyển khoản tiền thanh toán có liên quan vào tài khoản tạm giữ. Sau khi nhà thầu xuất đầy đủ hóa đơn, chủ đầu tư sẽ chuyển số tiền này cho nhà thầu.

3.2. Trách nhiệm phối hợp của nhà thầu

- Trong quá trình quyết toán và hậu kiểm dự án, Nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư để giải trình và chấp hành theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của người có thẩm quyền hoặc kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước. Nếu phải giảm trừ quyết toán hợp đồng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền thì Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền bị giảm trừ.

- Phối hợp với Chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết hoặc kiến nghị của kiểm toán độc lập (nếu có); hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã chi trả sai chế độ quy định hoặc theo kiến nghị của của kiểm toán độc lập đã được Chủ đầu tư thống nhất.

- Nếu Nhà thầu không hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã chi trả sai chế độ quy định hoặc theo kiến nghị của của kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước hoặc ý kiến của tư vấn kiểm toán độc lập đã được thống nhất, Chủ đầu tư sẽ sử dụng khoản tiền giữ lại nêu trên để nộp ngân sách nhà nước.

Lưu ý: Nội dung tại Mục VI. THÔNG TIN BỔ SUNG nêu trên là yêu cầu bắt buộc nhà thầu phải thực hiện, Chủ đầu tư không chấp nhận việc góp ý điều khoản tham chiếu để điều chỉnh nội dung nêu trên.

*** Lưu ý tài liệu chứng minh hợp đồng đã thực hiện hoàn có tính chất tương tự ở Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)**

- Đối với nhà thầu chính (độc lập hoặc liên danh): Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc tư vấn (hoặc biên bản thanh lý hợp đồng), Quyết định phê duyệt liên quan đến dự án của cấp có thẩm quyền (chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật – dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công – dự toán) hoặc tài liệu khác (văn bản xác nhận của Chủ đầu tư đã xác nhận hoàn thành công việc tư vấn).

- Đối với các hợp đồng là nhà thầu phụ:

+ Hợp đồng ký với nhà thầu chính và văn bản của Chủ đầu tư xác nhận công việc nhà thầu phụ đã thực hiện.

+ Văn bản chấp thuận nhà thầu phụ thực hiện khối lượng công việc còn lại của nhà thầu chính do Chủ đầu tư chỉ định hoặc nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng của nhà thầu chính thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận.

+ Hóa đơn VAT xuất cho nhà thầu chính hoặc chứng từ thanh toán, ủy nhiệm chi của nhà thầu chính thanh toán cho nhà thầu phụ hoặc giấy rút vốn đầu tư của Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ và hóa đơn VAT của nhà thầu phụ xuất cho Chủ đầu tư.

+ Quyết định phê duyệt liên quan đến dự án của cấp có thẩm quyền (chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật – dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công – dự toán).

**** Các tài liệu chứng minh phải là bản scan tài liệu gốc hoặc bản sao được chứng thực bởi cơ quan Nhà nước hoặc Văn phòng công chứng.***

*** Lưu ý về nhân sự ở Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống) và lưu ý khác**

- Nhân sự chủ chốt theo yêu cầu trên phải có hợp đồng lao động đảm bảo thời gian hoàn thành công trình hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn (trường hợp nhân sự của nhà thầu) hoặc cam kết có chữ ký của nhân sự và đại diện theo pháp luật của nhà thầu để chứng minh khả năng huy động nhân sự thực hiện cho gói thầu đảm bảo thời gian hoàn thành công trình khi trúng thầu (trường hợp nhân sự huy động thực hiện cho gói thầu ngoài nhân sự của nhà thầu).

- Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhân sự là bản scan các tài liệu được chứng thực, như sau đây: Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc cao hơn); Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; Giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc danh sách nhân sự kèm theo hợp đồng tư vấn hoặc biên bản nghiệm thu được đóng dấu giáp lai của chủ đầu tư có tên nhân sự đã từng đảm nhận chức danh hoặc tham gia thực hiện công việc cụ thể theo yêu cầu của E-HSMT.

- Trường hợp nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải bố trí ít nhất 01 nhân sự tham gia với vị trí có liên quan đến phần công việc do mình đảm nhận trong liên danh. **Nếu thành viên liên danh không bố trí nhân sự cho phần công việc do mình đảm nhận trong liên danh thì được xem là không đáp ứng yêu cầu tối thiểu và E-HSDT sẽ bị loại.**

*** Các yêu cầu tối thiểu đối với nhân sự chủ chốt:**

- Đối với nhà thầu liên danh, năng lực nhân sự là tổng năng lực nhân sự của các thành viên trong liên danh.

- Nếu nhà thầu không bố trí nhân sự đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT, thì xem như E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Nhân sự kê khai trong E-HSDT của nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu yêu cầu của E-HSMT, nếu một trong những vị trí nhân sự đảm nhận không đáp ứng điều kiện tối thiểu thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

*** Tại thời điểm đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu bản gốc (tài liệu giấy) liên quan đến năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu và năng lực, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt phục vụ việc xác minh các tài liệu mà nhà thầu cung cấp với các thông tin mà nhà thầu đã kê khai trong E-HSDT. Trường hợp nhà thầu đến thương thảo Hợp đồng mà không chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để xác minh thì được xem là kê khai không**

trung thực trong E-HSDT của nhà thầu và sẽ bị coi là hành vi gian lận theo quy định của Luật đấu thầu.